

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 35/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A (A); địa chỉ: Số 442 N, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A – 446 C, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T – nhân viên xử lý nợ chi nhánh Q; địa chỉ: Số 188 đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1991; bà Phan Thị Mỹ N, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 07 đường T, TDP 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về tiền gốc và tiền lãi*: Tính đến hết ngày 28/8/2024, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A (A) tổng số tiền là: 3.225.434.843 đồng; trong đó: Nợ gốc: 3.011.428.797 đồng; lãi trong hạn: 44.331.780 đồng; lãi quá hạn: 167.334.090 đồng; lãi chậm trả: 2.340.176 đồng.

2.2. *Các bên đương sự thống nhất phương án và thời gian trả nợ như sau:*

Hai bên thỏa thuận thống nhất chia ra 06 kỳ trả nợ như sau:

- Kỳ trả nợ đầu tiên hạn cuối đến hết ngày 25/9/2024, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng;
- Kỳ trả nợ thứ hai hạn cuối đến hết ngày 25/10/2024, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng;
- Kỳ trả nợ thứ ba hạn cuối đến hết ngày 25/11/2024, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng;
- Kỳ trả nợ thứ tư hạn cuối đến hết ngày 25/12/2024, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng;
- Kỳ trả nợ thứ năm hạn cuối đến hết ngày 25/01/2025, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng;
- Kỳ trả nợ thứ sáu hạn cuối đến hết ngày 25/02/2025, ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ còn lại và lãi phát sinh kể từ ngày 29/8/2024.

Kể từ ngày 29/8/2024 ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N tiếp tục trả lãi phát sinh trên tổng số tiền còn phải trả theo Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.1881.050923 ngày 05/9/2023 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số QBI.CN.1879.050923 ngày 05/9/2023, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, lãi phát sinh cho Ngân hàng A mà các bên đã ký kết.

2.3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N vi phạm một trong những lộ trình trả nợ như đã cam kết thì xem như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tổ chức thi hành án xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 88, địa chỉ: phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh B theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CB 027610 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/11/2015 cho ông Nguyễn Thanh B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số QBI.BĐCN.122.290823 ngày 05/9/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Hải Vượng, số công chứng 3952; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới ngày 05/9/2023 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 05/9/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý buộc ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng A.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Các bên đương sự thỏa thuận bị đơn chịu 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ngân hàng TMCP A (A) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 47.308.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm linh tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0001321 ngày 17/7/2024.

- Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch 48.254.348 đồng (Bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng) để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ